

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 911 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường trong việc tổ chức thực hiện Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây viết tắt là điều chỉnh Quy hoạch tỉnh*); hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước, là cực tăng trưởng đóng vai trò động lực của vùng Bắc Trung Bộ và tầm quốc gia; phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; là trung tâm của vùng về công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, thương mại, logistics và du lịch, đồng thời là đầu mối kết nối giao thương Đông - Tây với Lào và tiểu vùng Mê Công mở rộng; tầm nhìn đến năm 2050, là tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh và hiện đại.

2. Việc tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh với tinh thần quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục trong quá trình chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm của từng ngành và địa phương trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Trong quá trình triển khai phải thường xuyên cập nhật, bám sát các Nghị quyết, chương trình hành động, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương; bảo đảm tính khả thi, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc tổ chức triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ chung của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

1.1. Tuyên truyền, phổ biến và triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

- Thường xuyên phổ biến, quán triệt nghiêm túc, đầy đủ các nội dung Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; chủ động nghiên cứu, khai thác, sử dụng hiệu quả hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được công bố công khai và được đăng tải toàn bộ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phục vụ công tác quản lý và triển khai thực hiện. Tổ chức linh hoạt, đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tạo điều kiện cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu cơ hội và triển khai đầu tư; tạo sự đồng thuận, tham gia thực hiện và theo dõi quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Theo chức năng, lĩnh vực quản lý, chủ động tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp kịp thời, hiệu quả, góp phần hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu cụ thể mà điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đề ra.

(Phân công tại Phụ lục I kèm theo)

- Tham mưu quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung, phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đồng thời chịu trách nhiệm xác định sự phù hợp của phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đề xuất đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Quy hoạch, Điều 56, 57, 58 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

(Phân công tại Phụ lục II kèm theo)

1.2. Hoàn thiện và triển khai đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Tập trung triển khai rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành (thuộc thẩm quyền phê duyệt của địa phương) theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ, Quy hoạch tỉnh.

(Phân công tại Phụ lục III kèm theo)

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương theo ngành dọc trong quá trình lập, điều chỉnh các quy hoạch, có ý kiến góp ý để bảo đảm sự thống nhất giữa điều chỉnh Quy hoạch tỉnh với quy hoạch cấp cao hơn. Quá trình thực hiện, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch cấp quốc gia (đặc biệt là các quy hoạch ngành), quy hoạch vùng với quy hoạch tỉnh hoặc có đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) xem xét, quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định từng vấn đề cụ thể, tuân thủ đúng quy định về nguyên tắc xử lý các mâu thuẫn giữa các quy hoạch theo Điều 6 Luật Quy hoạch, văn bản hướng dẫn và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tăng cường phân cấp trong quản lý, triển khai các quy hoạch phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Rà soát, điều chỉnh, bãi bỏ hoặc tham mưu điều chỉnh, bãi bỏ theo thẩm quyền các kế hoạch, chương trình, đề án, phương án có liên quan cho phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.

- Tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh, cập nhật lên Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

1.3. Hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án thực hiện quy hoạch tỉnh

- Nghiên cứu rà soát, chỉnh sửa, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chương trình, cơ chế, chính sách theo Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển đã xác định trong Quy hoạch tỉnh; phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của Trung ương, của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển vùng, tỉnh và ngành, lĩnh vực.

- Thực hiện triển khai có hiệu quả các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ trong tổ chức thực hiện quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch có liên quan và Nghị quyết của Trung ương về phát triển vùng, liên kết vùng.

1.4. Huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực đầu tư các dự án theo các ngành, lĩnh vực quan trọng, lĩnh vực có lợi thế, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch; ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư các công trình, dự án trọng điểm được xác định trong Chương trình số 02-CTr/TU ngày 29/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

- Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn trung ương hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết vùng; đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp đồng đối tác công - tư (PPP) để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, đô thị, năng lượng, môi trường và hạ tầng số.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo; tập trung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền các cấp. Rà soát, cắt giảm,

đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đề cao, phát huy tính năng động, sáng tạo, tiên phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực

2.1. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện; thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu để kịp thời tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thích hợp nhằm đạt được mục tiêu Quy hoạch đề ra.

- Tham mưu tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của từng thời kỳ; các nhiệm vụ, giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển, cân đối và phân bổ các nguồn lực trong nền kinh tế để thực hiện quy hoạch; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo hướng tăng dần cho chi đầu tư phát triển; cân đối, bố trí nguồn ngân sách chi thường xuyên theo quy định thực hiện các nhiệm vụ để hiện thực hóa các mục tiêu, định hướng phát triển, giải pháp theo Quy hoạch tỉnh. Tham mưu đẩy nhanh thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo quy định, lộ trình.

- Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực nhằm tạo cơ hội, động lực cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội sản xuất, kinh doanh, nhất là giao thông kết nối các vùng kinh tế - xã hội, các trục động lực, các hành lang kinh tế, các vùng kinh tế, các ngành kinh tế trọng điểm. Ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng, hoàn thành các công trình, dự án được xác định trong Chương trình số 02-CTr/TU ngày 29/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, đồng thời rà soát, cập nhật danh mục các dự án đầu tư.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 358-KH/TU, ngày 24/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế

tư nhân; đồng thời, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị đồng bộ các điều kiện như hạ tầng, thể chế, nhân lực,... để tăng hiệu quả đầu tư, phục vụ cho các mục tiêu phát triển.

- Phối hợp với Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thu ngân sách nhà nước, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; bảo đảm thu đúng, thu đủ, phù hợp với tình hình phát triển của doanh nghiệp và kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, tham mưu, đề xuất cân đối, bố trí nguồn ngân sách chi thường xuyên theo quy định thực hiện các nhiệm vụ để hiện thực hóa các mục tiêu, định hướng phát triển, giải pháp theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Tham mưu tổng hợp, rà soát, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng hoặc điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia (điều chỉnh) trên cơ sở nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu các giải pháp phát triển và cơ cấu lại lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, sinh thái, tuần hoàn; tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng; ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa và chuyển đổi số; điều chỉnh không gian sản xuất, tổ chức vùng chuyên canh, liên kết chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Nghệ An; phát triển lâm nghiệp bền vững, dịch vụ môi trường rừng, cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ; phát triển thủy sản giá trị cao, hiện đại hóa khai thác xa bờ, bảo vệ nguồn lợi; tập trung phát triển kinh tế tập thể trong đó lấy hợp tác xã làm nòng cốt; tham mưu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ hợp tác xã và doanh nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ, xanh, sạch, tuần hoàn. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, công nghệ cao phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình thủy lợi hiện có; tham mưu, đề xuất đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp và sinh hoạt đô thị, nông thôn; xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh, đê, kè, cống và các hồ chứa nước; đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị, nông thôn, đặc biệt ưu tiên các khu vực chưa được tiếp cận với nước sạch tập trung.

- Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn nước xả thải, chất thải rắn, nhất là chất thải rắn sinh hoạt. Rà soát, báo cáo tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của tỉnh. Phối hợp kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải, chất thải rắn tập trung quy mô phù hợp, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, ưu tiên công nghệ xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp.

- Tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; xử lý nghiêm hành vi vi phạm tài nguyên và môi trường. Triển khai tín chỉ cacbon, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương và các sở, ban, ngành có liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp; thu hút các dự án đầu tư mới có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo vệ môi trường và phát huy được thế mạnh của địa phương.

2.3. Sở Xây dựng

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức lập, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn bảo đảm phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khu chức năng làm cơ sở xác định, triển khai thực hiện các dự án; công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khu chức năng.

- Tham mưu phát triển mạng lưới giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa) phù hợp với quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Chủ động kết nối với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai các chương trình, đề án của Chính phủ, của ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định; trọng tâm là thực hiện các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, trọng điểm, có tính kết nối, tác động lớn đối với sự phát triển của tỉnh¹; chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng mạng lưới giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

¹ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01); cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02); cao tốc Vinh - Thanh Thủy (CT.17); cao tốc kết nối Đông - Tây gồm tuyến Đông Hồi - Thông Thụ và tuyến Cửa Lò - Nậm Cắn; Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; nâng cấp cảng Hàng không quốc tế Vinh; cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến Quốc lộ, ...

- Phối hợp với Sở Nội vụ và địa phương xây dựng lộ trình, chương trình, kế hoạch phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chương trình, định hướng phát triển đô thị của tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030; phát triển bền vững thị trường bất động sản, thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, các khu đô thị mới theo quy hoạch; cải tạo và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị (đặc biệt là 06 trung tâm đô thị động lực: Đô thị Vinh, đô thị Hoàng Mai, đô thị Thái Hòa, đô thị Diễn Châu, đô thị Đô Lương, đô thị Trà Lân); huy động các nguồn vốn xã hội hóa phát triển nhà ở xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển không gian đô thị hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng thế mạnh của từng vùng, địa phương; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp, nâng hạng các đô thị với lộ trình thích hợp; xây dựng và phát triển đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá, gắn với đặc thù của từng khu vực, địa phương; rà soát, nghiên cứu định hướng mở rộng không gian phát triển của các đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm phù hợp với phương án tổ chức không gian phát triển của tỉnh và yêu cầu phát triển mới; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch và thiết kế đô thị, tạo sự thay đổi tích cực về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị.

- Tham mưu phương án quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống nghĩa trang, công viên nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo hướng tập trung, đồng bộ, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển mô hình công viên nghĩa trang (bao gồm chức năng hỏa táng) gắn với không gian cây xanh, cảnh quan, dịch vụ tưởng niệm, nhất là tại các khu vực đô thị và vùng động lực, đáp ứng nhu cầu của người dân theo hướng hiện đại, văn minh, phù hợp phong tục, tập quán và điều kiện phát triển của từng địa phương. Tập trung nghiên cứu xây dựng lộ trình triển khai đầu tư 03 khu công viên nghĩa trang tập trung cấp vùng và 01 cơ sở hỏa táng tập trung đã được xác định trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; theo đó rà soát, đề xuất vị trí cụ thể, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch liên quan và chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai đầu tư theo quy định. Từng bước sắp xếp, đóng cửa hoặc di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, không còn phù hợp quy hoạch; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, quản lý và vận hành phù hợp với nhu cầu thực tế.

2.4. Sở Công Thương

- Tham mưu tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp đã được ban hành nhằm thu hút các dự án đầu tư và mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh đã xác định trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, tạo động lực phát triển mạnh mẽ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển và chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ, tạo môi trường thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo tiến độ được phê duyệt; tăng cường phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư cụm công nghiệp. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam để lồng ghép các dự án vào không gian của Khu kinh tế, khai thác hiệu quả các chính sách thí điểm, ưu đãi đặc thù của Trung ương dành cho tỉnh.

- Tổ chức thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản, khoanh vùng các mỏ tài nguyên khoáng sản theo quy định; xây dựng lộ trình cấp phép, đấu giá, khai thác các mỏ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ và nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, dịch vụ logistics theo hướng đa dạng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan; phối hợp với các sở, ngành, địa phương thu hút đầu tư, phát triển trung tâm thương mại, siêu thị, chợ theo quy hoạch; nâng cao năng lực lưu thông, phân phối hàng hóa và phát triển thị trường trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác đi vào chiều sâu với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước, các địa phương đã ký kết hợp tác với Nghệ An, nhất là các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ; đồng thời, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới trên cơ sở phát huy tốt tiềm năng và lợi thế lẫn nhau, nhất là các lĩnh vực tỉnh Nghệ An có lợi thế. Thiết lập và nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác song phương với các tỉnh chung biên giới của Lào, trong đó quan tâm phối hợp quy hoạch cửa khẩu đối xứng, phát triển logistics xuyên biên giới; gắn kết các hành lang Nậm Cắn - Quốc lộ 7A và Thanh Thủy - Vinh - Cửa Lò với các trung tâm kinh tế của Lào, tạo nền tảng phát triển quan hệ giao thương toàn diện, ổn định và bền vững.

- Chủ trì tham mưu quản lý và phát triển lĩnh vực thương mại; phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, trở thành ngành chủ lực; chú trọng nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân; hỗ trợ đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với các sàn giao dịch thương mại điện tử. Chú trọng phát triển, quảng bá thương hiệu hàng hóa Nghệ An, tập trung phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nâng cao giá trị gia tăng, tỷ trọng sản phẩm chế biến, đồng thời mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển logistics

thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành dịch vụ thương mại, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, hiện đại hóa hoạt động thương mại.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, chiến lược, giải pháp phát triển điện lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 17/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tham mưu triển khai các dự án hạ tầng năng lượng theo Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh, đặc biệt là Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quỳnh Lập.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 29/10/2024 và Đề án số 34-ĐA/TU ngày 11/10/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trong khu vực kinh tế tư nhân và Kế hoạch hành động số 328-KH/TU ngày 24/04/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các khu, cụm công nghiệp trọng điểm; từng bước xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ.

- Tham mưu xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026 - 2030; chương trình, kế hoạch phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo giai đoạn 2026 - 2045. Thúc đẩy chuyển đổi số trên ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng nền tảng chính quyền số cấp tỉnh, cấp xã; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, phục vụ điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng bảo đảm an toàn, an ninh mạng, triển khai đồng bộ các giải pháp với các chương trình phát triển ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả khoa học - công nghệ. Lựa chọn, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu - phát triển (R&D), đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu bố trí nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, khu ươm tạo công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh.

- Phối hợp triển khai các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thúc đẩy hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tham mưu triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cơ chế, chính sách thu hút nhân lực, đặc biệt là cán bộ khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước về công tác lâu dài tại tỉnh, cán bộ khoa học kỹ thuật làm việc lâu dài tại các vùng khó khăn.

2.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả định hướng và phương án phát triển ngành trong Quy hoạch tỉnh; chủ trì, tham mưu xây dựng các đề án, kế hoạch: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Đề án phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An; Đề án Không gian văn hóa Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Đề án Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An gắn với du lịch và phát kinh tế trong kỷ nguyên mới. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; lan tỏa giá trị văn hóa Hồ Chí Minh làm nền tảng tinh thần và động lực phát triển. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đặc biệt Khu di tích Kim Liên, Lễ hội Làng Sen, Liên hoan Dân ca Ví - Giặm.

- Tham mưu đầu tư nâng cấp, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa. Tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa - thể thao - du lịch; thu hút đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn quốc gia, quốc tế, xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm phụ trợ huấn luyện thể thao thành tích cao. Đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và truyền thông số.

- Hoàn thiện, khai thác, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa các cấp. Nâng cấp, hoàn thiện một số thiết chế văn hóa của tỉnh, đến năm 2030 các thiết chế văn hóa cấp tỉnh bảo đảm về quy mô, chất lượng phục vụ các sự kiện văn hóa, thể thao lớn; phát triển các di tích lịch sử văn hóa, tín ngưỡng mang tính đặc trưng của địa phương để thu hút khách du lịch; đồng thời chủ trì hướng dẫn nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp xã, thôn, bản, khối phố bảo đảm về quy mô, chất lượng đáp ứng hiệu quả các hoạt động theo chức năng.

- Phối hợp kêu gọi đầu tư, xã hội hóa văn hóa, thể thao, du lịch; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch của tỉnh. Thu hút đầu tư các khu

du lịch hiện đại, phối hợp với các địa phương phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh, liên vùng và quốc tế, mở rộng thị trường khách nội địa và quốc tế, phấn đấu đến 2030 cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tham mưu huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch theo định hướng Quy hoạch tỉnh, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của Nhân dân. Tham mưu phát triển lĩnh vực báo chí và xuất bản theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh.

2.7. Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị; phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh theo hướng tổ chức không gian y tế hợp lý, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế chất lượng, được chăm sóc toàn diện ngay tại tuyến cơ sở và bao phủ bảo hiểm toàn dân; sắp xếp và kiện toàn hệ thống y tế dự phòng sau sáp nhập theo hướng tập trung đầu mối. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo đồng bộ về số lượng, chất lượng, cơ cấu; nâng cao ý thức, tinh thần phục vụ Nhân dân.

- Tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An và Bệnh viện Ung bướu thành bệnh viện hạng đặc biệt; các bệnh viện Sản - Nhi, Phổi, Mắt, Nội tiết, Y học cổ truyền, Chấn thương chỉnh hình... thành bệnh viện cấp chuyên sâu. Nâng cấp, phát triển các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa sâu; đồng thời tham mưu quy hoạch và đầu tư mới các cơ sở y tế chuyên khoa và trung tâm chuyên ngành kỹ thuật cao phù hợp định hướng Quy hoạch tỉnh nhằm hoàn thiện đồng bộ hệ thống y tế toàn diện, thông minh, phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để xây dựng y tế thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong phòng chống dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Tăng cường liên kết, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn giữa các cơ sở y tế. Triển khai, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu, các nền tảng số y tế dùng chung, trong đó tập trung xây dựng Kho dữ liệu dùng chung ngành y tế (Health Data Lake), bảo đảm kết nối liên thông dữ liệu y tế với VNeID; phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% cơ sở y tế triển khai Bệnh án điện tử, 100% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân; tối thiểu 80% cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống khám chữa bệnh từ xa (Telehealth).

- Nâng cao chất lượng dân số, gắn công tác dân số với phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội; chủ động thích ứng với biến đổi cơ cấu dân số và già hóa dân số; phát triển các mô hình, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi. Đổi mới phương thức chăm sóc sức khỏe theo hướng chủ động phòng bệnh, quản lý sức khỏe toàn diện theo vòng đời.

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội chuyên môn hóa, đa dạng loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, chăm sóc toàn diện cả thể chất và tinh thần, kết hợp giữa điều trị y tế, tư vấn tâm lý, phục hồi chức năng và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu. Duy trì ổn định hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội công lập hiện có; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, khu chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng và điều kiện sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội. Khuyến khích phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; ưu tiên các loại hình chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người rối nhiễu tâm thần theo hình thức tự nguyện, có sự tham gia đóng góp của người sử dụng dịch vụ và gia đình. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực bảo trợ xã hội, từng bước hình thành hệ thống an sinh xã hội hiện đại, nhân văn và bền vững.

2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tập trung tham mưu tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đảm bảo hiện đại hoá giáo dục, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và sức khỏe người học, thích ứng với kỷ nguyên phát triển mới. Rà soát, hoàn thiện, triển khai đồng bộ chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, chuyên nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, AI, ngoại ngữ, STEM và phương pháp giáo dục hiện đại. Xây dựng trường học thân thiện, an toàn; phòng chống bạo lực học đường; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực trong hoạt động giáo dục.

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, đẩy nhanh chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục và đào tạo. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoặc đề án phát triển giáo dục STEM, STEAM, kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Phát triển kho học liệu số, cơ sở dữ liệu dùng chung và nền tảng quản trị, dạy học số ngành giáo dục; tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý.

- Tham mưu, phối hợp từng bước hiện đại hóa giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao, tay nghề giỏi; liên kết với các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong từng cơ sở đào tạo; cơ cấu lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, nhằm xây dựng đô thị giáo dục thông minh; phát triển Trường Đại học Vinh trở thành đại học vùng, trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín.

- Triển khai các chương trình đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường, ưu tiên lao động nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và nhóm yếu thế. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Xây dựng xã hội học tập, hình thành văn hóa học tập suốt đời; triển khai bình dân học vụ số; phát triển năng lực tự học, công dân số, công dân toàn cầu cho học sinh, sinh viên.

2.9. Sở Nội vụ

- Tham mưu triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045. Phát triển nguồn nhân lực bền vững, bảo đảm cân đối, phù hợp với định hướng và đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực, các khu vực động lực tăng trưởng. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trình độ cao về làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực.

- Tham mưu xây dựng, triển khai các chính sách phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiệu quả; hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động để giải quyết việc làm cho người lao động.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo nhu cầu về số lượng, cơ cấu trình độ đào tạo đối với từng ngành kinh tế, làm cơ sở cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng. Quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu lao động toàn tỉnh, kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lao động và việc làm tại Nghệ An.

- Tham mưu chuẩn hóa quy trình, đẩy mạnh cải cách hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các sở, ngành, địa phương; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai tại các sở ngành và UBND các xã, phường.

- Chủ trì, tham mưu triển khai xây dựng Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn khi có đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn thành lập phường phù hợp với yêu cầu phát triển đơn vị hành chính đô thị tại địa phương.

2.10. Sở Ngoại vụ

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19/5/2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tham mưu triển khai công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất và hiệu quả theo Kế hoạch số 339-KH/TU ngày 20/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; triển khai đồng bộ ba trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; thực hiện hiệu quả chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện, lấy hội nhập kinh tế làm trung tâm, hội nhập các lĩnh vực khác làm nền tảng.

- Mở rộng hợp tác với đối tác chiến lược, tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Tăng cường hợp tác, liên kết thực chất, hiệu quả với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là hợp tác với Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ trong hợp tác phát triển vùng. Tăng cường kết nối kinh tế trong và ngoài khu vực Asean, đặc biệt là củng cố, làm sâu sắc quan hệ với các địa phương của nước bạn Lào, hợp tác nâng cấp, phát triển các cặp cửa khẩu biên giới đất liền, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ban, ngành Trung ương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, thương mại, du lịch và các nguồn lực viện trợ phát triển kinh tế - xã hội.

2.11. Sở Tư pháp: Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 357/KH/TU ngày 24/7/2025 của Tỉnh ủy Nghệ An; Kế hoạch số 722/KH-UBND ngày 03/09/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để xác định “điểm nghẽn” của hệ thống thể chế, chính sách của tỉnh, tham mưu giải pháp tháo gỡ.

2.12. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Tham mưu triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, gắn kết hiệu quả các chương trình, dự án với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tiếp tục ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của khu vực khó khăn kết nối các hành lang kinh tế, trung tâm phát triển.

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc, những giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển địa phương.

2.13. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Tham mưu triển khai lập, phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam mở rộng theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 27/3/2026; nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập khu

kinh tế đặc biệt tại Nghệ An gắn với các cảng biển, sân bay, khu kinh tế, khu công nghiệp và các địa điểm thuận lợi nhằm tạo chuỗi cung ứng khu vực và quốc tế; chủ trì xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch các khu công nghiệp mới được bổ sung và các khu chức năng trong Khu kinh tế theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, làm cơ sở quản lý quy hoạch và kêu gọi đầu tư, ưu tiên phát triển tại các khu vực gắn với đô thị, khu công nghiệp trọng điểm và các hành lang kinh tế quan trọng. Đẩy mạnh xây dựng, tăng cường thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế; khu công nghệ cao; khu công nghiệp; cụm công nghiệp; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; chú trọng các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh. Chủ trì, phối hợp nhà đầu tư triển khai bảo đảm tiến độ các dự án hạ tầng trong khu kinh tế Đông Nam.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục về đầu tư, đất đai, mặt bằng, quy hoạch xây dựng để sớm triển khai thực hiện đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp và lao động trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp, phục vụ công tác quản lý, thống kê, dự báo và kết nối cung - cầu lao động.

2.14. Thanh tra tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên đề hằng năm tập trung vào các lĩnh vực: quản lý, sử dụng đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, cấp phép khai thác khoáng sản và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm.

- Thực hiện thanh tra đối với các dự án chậm tiến độ, vi phạm quy hoạch, vướng mắc kéo dài. Tham mưu UBND tỉnh giải pháp xử lý dứt điểm các vướng mắc pháp lý, tồn tại sau thanh tra, kiểm toán; tháo gỡ “điểm nghẽn” để các nguồn lực đầu tư sớm đi vào hoạt động.

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước của người đứng đầu các cơ quan, địa phương trong việc công khai quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2.15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh

- *Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh*: Thực hiện có hiệu quả Phương án bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội được tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về công tác quốc phòng; triển khai quy hoạch và xây dựng các công trình quốc phòng trong khu

vực phòng thủ tỉnh. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ, diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp xã, phường đảm bảo an toàn, hiệu quả. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; nắm, dự báo, đánh giá đúng tình hình; quản lý chặt chẽ tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để bị động bất ngờ. Xây dựng, triển khai hiệu quả các Đề án: “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030”; “Xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026-2030”.

- *Công an tỉnh*: Thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược đảm bảo an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng thể trận an ninh đồng bộ, liên hoàn, đa tầng trên các không gian, lĩnh vực; chủ động phát hiện, ứng phó hiệu quả và đẩy lùi mọi thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Chủ động nắm chắc tình hình, kiểm soát địa bàn, đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh vùng giáo,... phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm hình sự, ma túy và các loại tội phạm khác, không để hình thành các băng nhóm, tội phạm nguy hiểm. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật trong công tác điều tra, xử lý án. Tiếp tục triển khai Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, nhất là thực hiện đồng bộ có hiệu quả các giải pháp nhằm kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông.

2.16. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các nội dung của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trên địa bàn mình quản lý. Trên cơ sở mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức rà soát, đánh giá lại các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các chương trình, đề án, chính sách để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh; phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ việc lập, điều chỉnh, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; công khai, tuyên truyền các nội dung quy hoạch có liên quan trực tiếp đến địa phương để người dân, doanh nghiệp biết, giám sát và tham gia thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng rà soát các quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, nông thôn để lập mới hoặc đề xuất điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án mới vào các ngành, lĩnh vực địa phương có lợi thế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này và đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ, lộ trình thực hiện đối với từng nội dung, nhiệm vụ, chỉ tiêu được phân công; Kịp thời xử lý vấn đề phát sinh theo thẩm quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc theo dõi, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch này cho phù hợp với quy định hiện hành, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện và tham mưu báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch này đúng quy định.

3. Đề nghị các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động; phát huy giám sát, theo dõi thực thi công vụ, phản biện xã hội đối với việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân phản ánh đến các cấp, các ngành góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPTU; VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (X.T) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Phú Hiền

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRONG
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH NGHỆ AN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 211.../KH-UBND ngày 22.../10./2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá
I	Về kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân/năm	%	11-12	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	4,5-5	Thống kê tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	15-16	
-	Công nghiệp	%	17,5-18,5	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương, BQL Khu kinh tế Đông Nam
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	20	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
-	Xây dựng	%	14-15	Thống kê tỉnh, Sở Xây dựng
1.3	Khu vực dịch vụ	%	12-13	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
	Trong đó:			
-	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	12,5-13	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
-	Vận tải, kho bãi	%	13-13,5	Thống kê tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Công Thương
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13,5-14	Thống kê tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	12-12,5	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước khu vực 8, Bảo hiểm xã hội tỉnh
-	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	12-12,5	Thống kê tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		7-8	Thuế tỉnh, Thống kê tỉnh
2	Cơ cấu GRDP:	%	100	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	13 - 13,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp và xây dựng	%	41 - 41,5	Sở Công Thương (Công nghiệp), Sở Xây dựng (Xây dựng)
	- Dịch vụ	%	40 - 40,5	Các sở chuyên ngành theo lĩnh vực dịch vụ phụ trách
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,5 - 5	Thuế tỉnh
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng/năm	165 - 190	Thống kê tỉnh
4	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	9,0	Sở Công Thương
5	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh bình quân	%/năm	12	Sở Tài chính, Thuế tỉnh, Hải quan
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 – 2030 (giá hiện hành)	Nghìn tỷ đồng	1.150	Thống kê tỉnh tổng hợp chung; Sở Tài chính (vốn khu vực nhà nước); các sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách
7	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	25-30	Thống kê tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	57,3	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
9	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	55	Thống kê tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
10	Số doanh nghiệp hoạt động	Doanh nghiệp	30.000 - 32.000	Thuế tỉnh, Sở Tài chính
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40-45	Sở Xây dựng

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá
II	Về văn hóa - xã hội			
12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75 - 75,5	Thống kê tỉnh, Sở Y tế
13	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,78	Thống kê tỉnh
14	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2030	%	77	Sở Nội vụ
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	38	Thống kê tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Tỷ lệ thất nghiệp	%	< 2,5	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh
16	Tốc độ tăng năng suất lao động giai đoạn 2026 - 2030	%	10 - 11	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh
17	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	Bác sỹ	17	Sở Y tế
18	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	> 50	Sở Y tế
19	Bảo hiểm xã hội			Bảo hiểm xã hội tỉnh
	- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	> 97,5	
	- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	42	
20	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	85,19	Sở Giáo dục và Đào tạo
21	Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân hằng năm	%	0,5 - 1,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/tháng	8,179	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
23	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh			
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	60	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	90	Sở Xây dựng
24	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	60	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Trong đó: tỷ lệ xã đạt nông thôn mới hiện đại	%	10	Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	Xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030	Căn hộ	25.400	Sở Xây dựng

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá
III	Về môi trường			
26	Tỷ lệ che phủ rừng	%	58	Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	99	Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Sở Y tế
29	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	97	Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam
IV	Về quốc phòng, an ninh			
31	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm	%	> 80	Công an tỉnh
32	Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy	%	58	Công an tỉnh

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG THEO DỐI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TẠI HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH NGHỆ AN
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 311.../KH-UBND ngày 02.../...10/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Nội dung quản lý thuộc hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm các cơ sở dữ liệu có liên quan)	Cơ quan quản lý
1	Quan điểm phát triển; mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch; Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch; Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh. Các bản đồ về hiện trạng phát triển ngành, lĩnh vực.	Sở Tài chính; Các sở, ngành theo ngành, lĩnh vực
2	Phương hướng phát triển ngành nông, lâm, thủy sản; phát triển kinh tế biển; Phương hướng phát triển hệ thống thủy lợi, cấp nước, thoát nước; Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; Định hướng sử dụng đất; Phương hướng bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; Phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng; Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Sơ đồ định hướng sử dụng đất tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Sơ đồ phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về: thủy lợi, cấp nước, thoát nước). Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Nghệ An.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Nội dung quản lý thuộc hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm các cơ sở dữ liệu có liên quan)	Cơ quan quản lý
3	Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn; Phương hướng phát triển nhà ở; Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông; Phương hướng phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước (p/h với Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với hệ thống cấp nước nước sạch nông thôn; các công ty cấp nước đối với mạng lưới cấp nước trên địa bàn); Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang; Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn đến năm 2030; Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn đến năm 2050; Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về: giao thông vận tải; cấp nước; thoát nước; xử lý nước thải, chất thải rắn; Khu nghĩa trang, lò hỏa táng).	Sở Xây dựng
4	Phương hướng phát triển ngành công nghiệp; ngành thương mại dịch vụ; Phương hướng phát triển các cụm công nghiệp; Phương án quản lý về địa chất và khoáng sản; Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về thương mại dịch vụ; cấp điện và năng lượng).	Sở Công Thương
5	Phương hướng phát triển các khu kinh tế; khu công nghệ cao; khu công nghiệp; cụm công nghiệp; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng; Sơ đồ định hướng sử dụng đất tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.	BQL Khu kinh tế Đông Nam
6	Phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về Giáo dục đào tạo).	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Phương hướng phát triển văn hóa, thể thao và du lịch; Phương hướng phát triển khu du lịch; hạ tầng văn hóa, thể thao; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Nội dung quản lý thuộc hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm các cơ sở dữ liệu có liên quan)	Cơ quan quản lý
8	Phương hướng phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; Phương án phát triển hạ tầng y tế; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về y tế).	Sở Y tế
9	Phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Phương hướng phát triển hạ tầng số, bưu chính, viễn thông; hạ tầng khoa học và công nghệ; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về thông tin và truyền thông);	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Phương hướng phát triển khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở Dân tộc và Tôn giáo
11	Phương hướng phát triển lao động, việc làm và an sinh xã hội; Phương án phát triển hạ tầng cơ sở trợ giúp xã hội; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (về hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội).	Sở Nội vụ
12	Phương hướng phát triển về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; Các sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh

PHỤ LỤC III
PHÂN CÔNG QUẢN LÝ, THAM MƯU TRIỂN KHAI CÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN
VÀ CÁC QUY HOẠCH CHI TIẾT NGÀNH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số .../KH-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Loại Quy hoạch	Cơ quan chủ trì
I	QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN (theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam, UBND cấp xã theo phân cấp
II	QUY HOẠCH CHI TIẾT NGÀNH (thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh theo Điều 36 và Phụ lục kèm theo Luật Quy hoạch)	
1	Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (theo Luật Đất đai)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Quy hoạch khảo cổ; quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của tỉnh (theo Luật Di sản văn hóa)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ghi chú: Căn cứ các quy định pháp luật chuyên ngành đối với các loại quy hoạch tại Phụ lục này, các đơn vị chủ trì xác định cụ thể Danh mục các quy hoạch được thực hiện trên địa bàn tỉnh trong Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của đơn vị mình, trong đó:

- (1) Đối với các quy hoạch đã được phê duyệt: Phân công các đơn vị trực thuộc quản lý, triển khai, rà soát, điều chỉnh (nếu cần thiết) theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ;*
- (2) Đối với các quy hoạch được phép lập mới theo quy định của pháp luật: Dự kiến thời gian tổ chức lập các quy hoạch theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với yêu cầu về quản lý nhà nước và khả năng cân đối các nguồn lực thực hiện.*